

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ I LỚP 3	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38



A. HỆ THỐNG ĐỀ THI



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

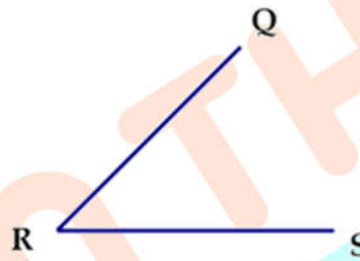
Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Giá trị của biểu thức $124 + 42 \times 3$ là:

- A. 230. B. 120. C. 166. D. 250.

Câu 2. Góc trong hình vẽ bên là:

- A. Góc không vuông đỉnh Q; cạnh QR, RS.
B. Góc không vuông đỉnh R; cạnh RQ, RS.
C. Góc vuông đỉnh R; cạnh RQ, RS.
D. Góc không vuông đỉnh S; cạnh SR, RQ.



Câu 3. Một miếng bìa hình vuông có cạnh dài 20cm. Chu vi miếng bìa đó là:

- A. 8cm. B. 40cm. C. 80dm. D. 8dm.

Câu 4. Mai có 7 viên bi, Hồng có 15 viên bi. Hỏi Hồng phải cho Mai bao nhiêu viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau?

- A. 4 viên. B. 5 viên. C. 6 viên. D. 7 viên

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$$9\text{cm} + 7\text{mm} = \boxed{} \text{mm.}$$

Câu 6. Nhà em có 24 con gà và số vịt bằng $\frac{1}{3}$ số gà. Hỏi nhà em có bao nhiêu con vịt?

- A. 72 con. B. 8 con. C. 12 con. D. 24 con.

Câu 7. Hiệu của số lớn nhất có bốn chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số là:

- A. 9899. B. 9999. C. 9888. D. 8888.

Câu 8. Can dầu thứ nhất có 18 lít dầu. Số dầu ở can thứ hai gấp 3 lần số dầu ở can thứ nhất. Hỏi can thứ hai có nhiều hơn can thứ nhất bao nhiêu lít dầu?

- A. 54 lít. B. 36 lít. C. 72 lít. D. 63 lít.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

$356g + 400g = \dots\dots\dots g.$

$63ml : 7 + 991ml = \dots\dots\dots l.$

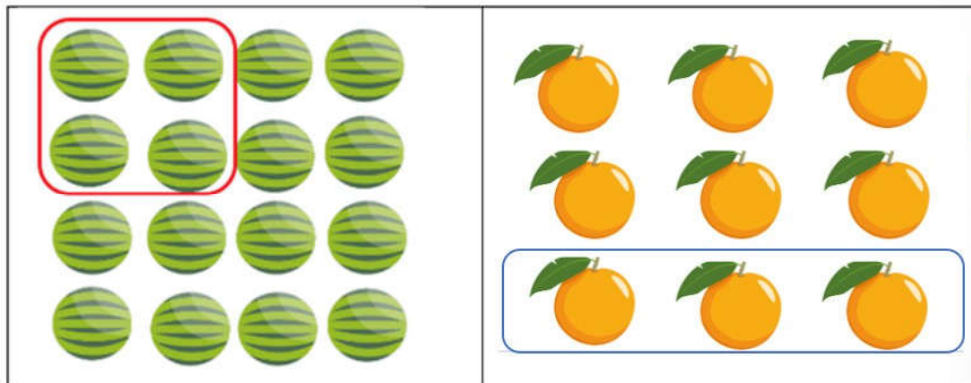
$13mm \times 2 = \dots\dots\dots mm.$

$600g : 2 = \dots\dots\dots g.$

$348ml + 488ml : 4 = \dots\dots\dots ml.$

$37mm + 13mm = \dots\dots\dots cm.$

Bài 2. Đã khoanh vào một phần mấy số lượng quả trong mỗi hình dưới đây?



Bài 3. Một cửa hàng có 66 bao gạo. Sau khi bán, số bao gạo còn lại giảm đi 6 lần. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu bao gạo?

Bài 4. Tính tổng: $A = 20 - 19 + 18 - 17 + \dots + 4 - 3 + 2 - 1.$

Trả lời:.....

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

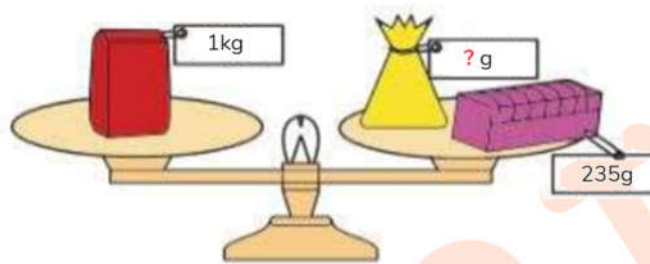
Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số thích hợp điền vào dấu “?” là:



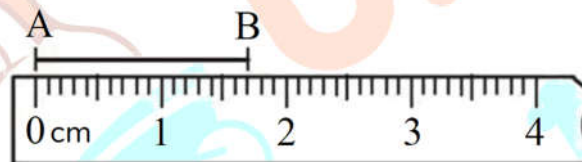
A. 650g.

B. 675g.

C. 567g.

D. 765g

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Độ dài đoạn thẳng AB là:mm.

Câu 3. Bố năm nay 40 tuổi, tuổi của bố gấp 5 lần tuổi con. Hỏi sau 5 năm nữa, con bao nhiêu tuổi?

A. 10 tuổi.

B. 12 tuổi.

C. 13 tuổi.

D. 14 tuổi.

Câu 4. Đàn gà nhà Hòa có 48 con. Mẹ đã bán $\frac{1}{6}$ số con gà. Hỏi đàn gà nhà Hòa còn lại bao nhiêu con?

A. 40 con

B. 42 con

C. 6 con

D. 41 con

Câu 5. Các số cần điền vào ô trống lần lượt từ trái qua phải là:



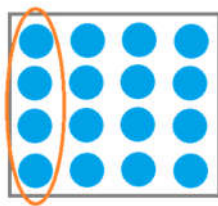
A. 11; 17.

B. 11; 66.

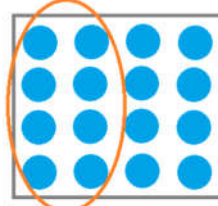
C. 30; 5.

D. 30; 36

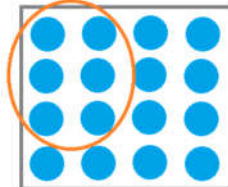
Câu 6. Trong các hình vẽ dưới đây, hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số chấm tròn?



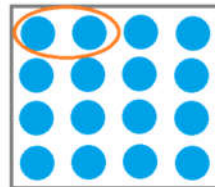
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 7. Một hình tam giác có độ dài các cạnh là 6cm; 8cm và 1dm.

Chu vi hình tam giác đó là:

- A. 15cm. B. 15dm.
C. 24dm. D. 24cm.



Câu 8. Có 2 nguồn sách. Nguồn thứ nhất có 9 cuốn sách, nguồn thứ hai nếu có thêm 3 cuốn sách thì sẽ gấp đôi số sách nguồn thứ nhất. Hỏi cả 2 nguồn có bao nhiêu cuốn sách?

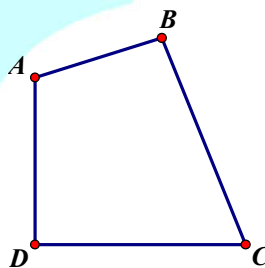
- A. 21 cuốn sách. B. 24 cuốn sách. C. 27 cuốn sách. D. 12 cuốn sách.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $234 + 128$ b) $563 - 99$ c) 211×6 d) $938 : 3$

Bài 2. Liệt kê tất cả các góc vuông và góc không vuông có trong hình sau?



Bài 3. Có hai bao gạo nặng tổng cộng 54 kg, biết bao thứ nhất nặng 9 kg. Hỏi bao thứ hai nặng gấp mấy lần bao thứ nhất?

Bài 4. Tính tổng 36 số hạng đầu tiên của dãy số: 1; 2; 3; 4; 1; 2; 3; 4; 1; 2; 3; 4; ...

Trả lời:

ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

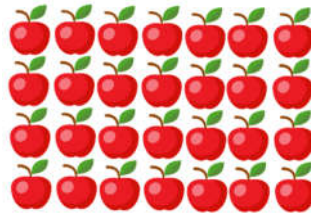
Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Quan sát hình sau và cho biết $\frac{1}{7}$ số táo là bao nhiêu quả?



- A. 3 quả. B. 4 quả. C. 5 quả. D. 6 quả

Câu 2. Số đo dung tích nào dưới đây là lớn nhất?

- A. 950ml. B. 500ml. C. 1l. D. 999ml.

Câu 3. Thương của số lớn nhất có ba chữ số và 3 là:

- A. 300. B. 66. C. 33. D. 333.

Câu 4. Hùng và Tú, mỗi bạn mua 10 viên bi xanh và 5 viên bi đỏ. Hỏi cả hai bạn mua tất cả bao nhiêu viên bi?

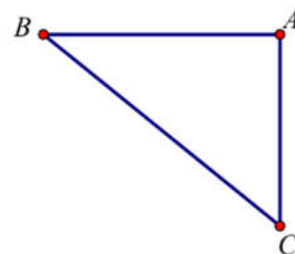
- A. 10 viên bi. B. 15 viên bi. C. 20 viên bi. D. 30 viên bi.

Câu 5. Đàn gà nhà Hoa có 54 con gà mái, số gà trống bằng số gà mái giảm đi 6 lần. Hỏi trong đàn gà nhà Hoa có bao nhiêu con gà trống?

- A. 4 con. B. 7 con. C. 9 con. D. 8 con

Câu 6. Trong hình bên, góc nào là góc vuông?

- A. Góc đỉnh B; cạnh BA, BC.
B. Góc đỉnh C; cạnh CA, CB.
C. Góc đỉnh A; cạnh AB, AC.
D. Cả A và B đều đúng.



Câu 7. 36 học sinh xếp được thành 4 hàng. Vậy 126 học sinh sẽ xếp được số hàng như thế là:

- A. 14 hàng. B. 15 hàng. C. 16 hàng. D. 17 hàng.

Câu 8. Bác Hùng có một mảnh đất hình chữ nhật với chiều dài là 12m, chiều rộng là 7m. Bác muốn làm hàng rào bao quanh mảnh đất đó. Hỏi bác Hùng cần làm bao nhiêu mét hàng rào, biết bác để lối đi rộng 2m?



A. 40m.

B. 36m.

C. 38m.

D. 34m.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) $123 \times (42 - 40) + 25.$

b) $219 + 510 : 5.$

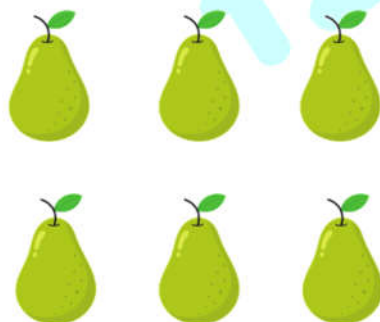
c) $231 \times 3 - 148.$

Bài 2.

a) Khoanh vào $\frac{1}{2}$ số chùm nho:



b) Khoanh vào $\frac{1}{6}$ số quả lê:



Bài 3. Người ta chia khu vườn ươm cây thành 2 lô đất, mỗi lô đất có 4 hàng, mỗi hàng trồng được 101 cây con. Hỏi khu vườn đó trồng được bao nhiêu cây con?

Bài 4. Tìm số có ba chữ số, biết chữ số hàng trăm và hàng đơn vị gấp kém nhau 4 lần và chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

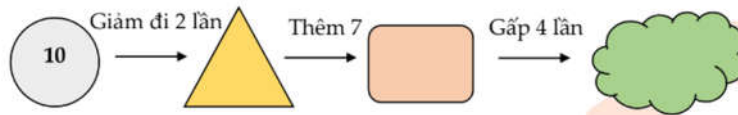
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Giá trị của biểu thức $24 + 36 \times 8$ là:

Câu 2. Số cần điền trong hình đám mây là:



A. 5.

B. 12.

C. 48.

D. 84.

Câu 3. Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

A. Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.

B. Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.

C. Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.

D. Số 0 chia cho số nào cũng bằng chính số đó.

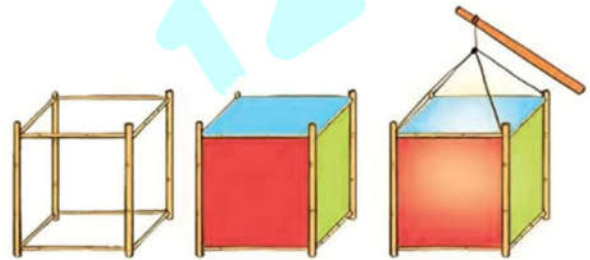
Câu 4. Anh Nam làm những chiếc đèn lồng có dạng khối lập phương. Mỗi mặt dán một tờ giấy màu. Một chiếc đèn lồng như vậy cần dùng số tờ giấy màu là:

A. 3 tờ.

B. 5 tờ.

C. 6 tờ.

D. 8 tờ.



Câu 5. Cho hình tròn tâm O và hình tròn tâm I như hình vẽ bên.

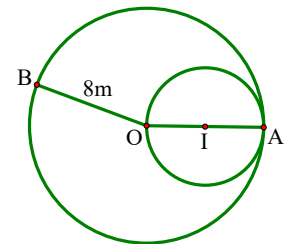
Biết $OB = 8m$. Tìm độ dài bán kính của hình tròn tâm I.

A. 4m.

B. 8m.

C. 12m.

D. 6m.



Câu 6. Mỗi bao gạo nặng 30kg, mỗi bao ngô nặng 40kg.

Hỏi 2 bao gạo và 1 bao ngô nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 60kg.

B. 100kg.

C. 110kg.

D. 80kg.

Câu 7. Một quyển truyện dày 96 trang. Minh đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang của quyển truyện đó. Hỏi

Minh đã đọc được bao nhiêu trang?

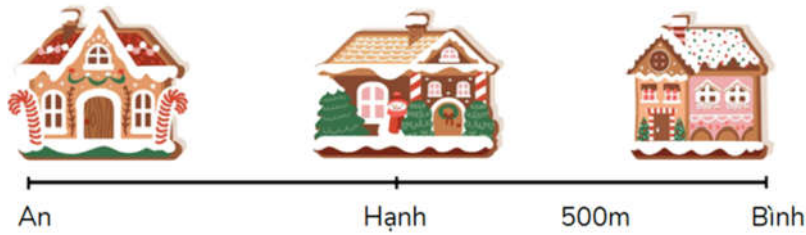
A. 24 trang.

B. 42 trang.

C. 34 trang.

D. 28 trang.

Câu 8. Tính khoảng cách từ nhà An tới nhà Bình, biết vị trí của nhà Hạnh là trung điểm của đoạn thẳng nối vị trí hai nhà An và Bình.



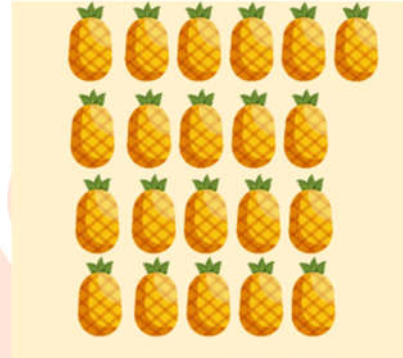
- A. 500m. B. 100m. C. 900m. D. 1000m.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1.

a) Khoanh vào $\frac{1}{5}$ số quả cà chua

b) Khoanh vào $\frac{1}{7}$ số quả dứa

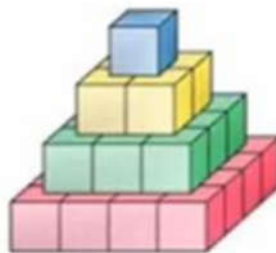


Bài 2. Điền dấu “> , < , =” thích hợp vào chỗ trống:

- a) $30ml + 2ml$ $1l$. b) $7cm$ $70mm$.
 c) $1m$ $260mm + 640mm$. d) $250g + 750g$ $1kg$.

Bài 3. Một cửa hàng có 183kg gạo, người ta bán đi 78kg. Số gạo còn lại đóng đều vào 7 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 4. Hình dưới đây được ghép từ bao nhiêu khối lập phương?



Trả lời:

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Một ô tô có 4 bánh xe. Hỏi 10 ô tô như thế có bao nhiêu bánh xe?

- A. 20 bánh xe. B. 32 bánh xe.
C. 40 bánh xe. D. 28 bánh xe.

Câu 2. $\frac{1}{5}$ số quả dâu tây có trong hình bên là:

- A. 5 quả. B. 2 quả.
C. 1 quả. D. 4 quả.



Câu 3. Hình bên là quãng đường mà Lan đi từ nhà mình tới nhà ông bà ngoại, sau đó tới nhà Hùng mượn sách và cuối cùng tới nhà Hoa chơi. Hãy tính quãng đường mà Lan đã đi từ nhà mình đến nhà Hoa.

- A. 900m. B. 800m.
C. 100m. D. 1000m.

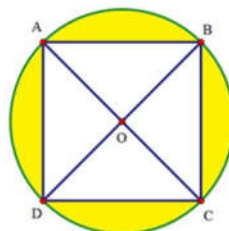


Câu 4. Một hộp bánh chứa được nhiều nhất 4 cái bánh. Nếu có 75 cái bánh thì cần ít nhất bao nhiêu cái hộp như thế?

- A. 19 cái hộp. B. 18 cái hộp. C. 20 cái hộp. D. 21 cái hộp.

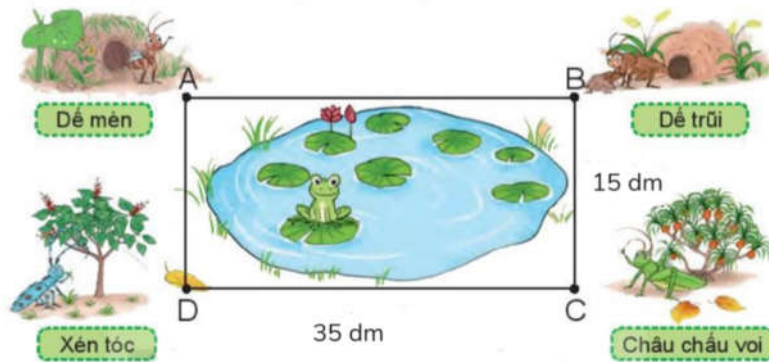


Câu 5. Cho hình vuông ABCD nằm trong hình tròn tâm O như hình vẽ. Biết AC = 10cm. Tính độ dài bán kính của hình tròn tâm O.



- A. 3cm. B. 5cm. C. 8cm. D. 10cm.

Câu 6. Nhà các bạn đế mèn, đế trũi, châu chấu voi và xén tóc ở bốn đỉnh của hình chữ nhật ABCD (như hình vẽ). Biết rằng $CD = 35\text{dm}$, $BC = 15\text{dm}$. Độ dài quãng đường từ nhà đế mèn đến nhà châu chấu voi là:



- A. 5m. B. 15dm. C. 35dm. D. 50cm.

Câu 7. Trên cây có 48 quả bưởi, sau khi hái số bưởi còn lại trên cây giảm đi 3 lần. Hỏi đã hái bao nhiêu quả bưởi?

- A. 24 quả bưởi. B. 16 quả bưởi. C. 42 quả bưởi. D. 32 quả bưởi.

Câu 8. Có hai xe ô tô chở đoàn khách đi tham quan viện bảo tàng. Xe thứ nhất chở 16 người. Xe thứ hai chở số người gấp đôi xe thứ nhất. Hỏi hai xe chở được tất cả bao nhiêu người?

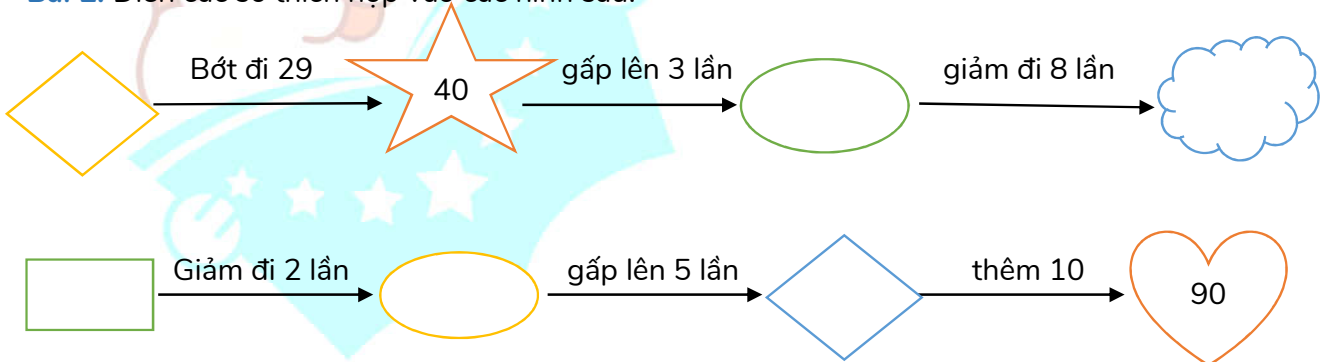
- A. 32 người. B. 35 người. C. 48 người. D. 16 người.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính giá trị các biểu thức sau:

- a) $79 + 34 - 19$. b) $221 \times (43 - 39)$.
 c) $(201 - 1) \times 5$. d) $(48 + 13) \times 4 - 279 : 9$.

Bài 2. Điền các số thích hợp vào các hình sau:



Bài 3. Nhà Hoa có 5 chuồng gà, mỗi chuồng có 9 con gà. Hôm nay nhà Hoa bán đi $\frac{1}{9}$ số gà. Hỏi nhà Hoa đã bán đi bao nhiêu con gà?

Bài 4. Trong túi có 10 viên bi đỏ, 9 viên bi xanh, 11 viên bi vàng và 4 viên bi trắng. Không nhìn vào túi, phải lấy ra ít nhất bao nhiêu viên bi để chắc chắn có ít nhất 6 viên bi cùng màu?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

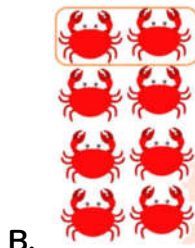
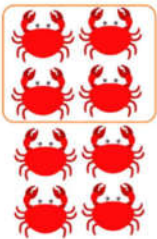
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Tìm một số biết rằng lấy số đó trừ đi 34 thì bằng 43 cộng với 58. Số đó là:

- A. 101. B. 135. C. 67. D. 91.

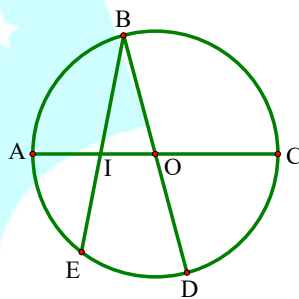
Câu 2. Đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số con cua của hình nào dưới đây?



Câu 3. Em có 15 viên bi, em chia cho mỗi bạn 2 viên bi. Sau khi chia xong có mấy bạn được chia bi và còn dư mấy viên bi?

- A. 8 bạn được chia bi và dư 1 viên. B. 8 bạn được chia bi và không dư.
C. 7 bạn được chia bi và không dư. D. 7 bạn được chia bi và dư 1 viên.

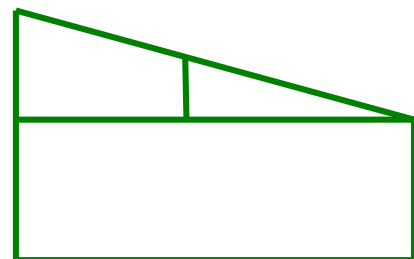
Câu 4. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:



Các đường kính của hình tròn tâm O có trong hình vẽ trên là:

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có góc vuông.



Câu 6. Giá trị của biểu thức $125 + 345 : 5$ là:

- A. 194. B. 195. C. 94. D. 95.

Câu 7. Trong đợt kế hoạch nhỏ, lớp 3A thu được 21kg giấy vụn, lớp 3B thu được số giấy vụn gấp 3 lần số giấy vụn của lớp 3A. Hỏi cả hai lớp thu được bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn?

- A. 63kg. B. 84kg. C. 48kg. D. 42kg.

Câu 8. Cửa hàng có 78kg gạo, buổi sáng cửa hàng bán được 15kg gạo. Số gạo còn lại được chia đều vào 9 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 6kg. B. 8kg. C. 7kg. D. 10kg.

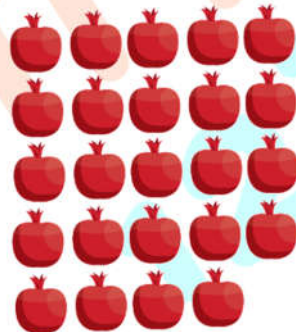
II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

- a) $42\text{ml} : 2 + 348\text{ml} = \dots\dots\dots \text{ml}$. b) $1\text{m} - 63\text{mm} : 7 = \dots\dots\dots\text{mm}$.
 c) $78\text{g} - 125\text{g} : 5 = \dots\dots\dots\text{g}$. d) $52\text{cm} + 48\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$.

Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

- $\frac{1}{3}$ số quả lựu là quả.
 $\frac{1}{8}$ số quả lựu là quả.
 $\frac{1}{6}$ số quả lựu là quả.



Bài 3. Một tổ công nhân buổi sáng sửa được 96m đường, buổi chiều do trời nắng nên sửa được số mét đường giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi cả ngày tổ công nhân đó sửa được bao nhiêu mét đường?

Bài 4. Tìm số lớn nhất có ba chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 7

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

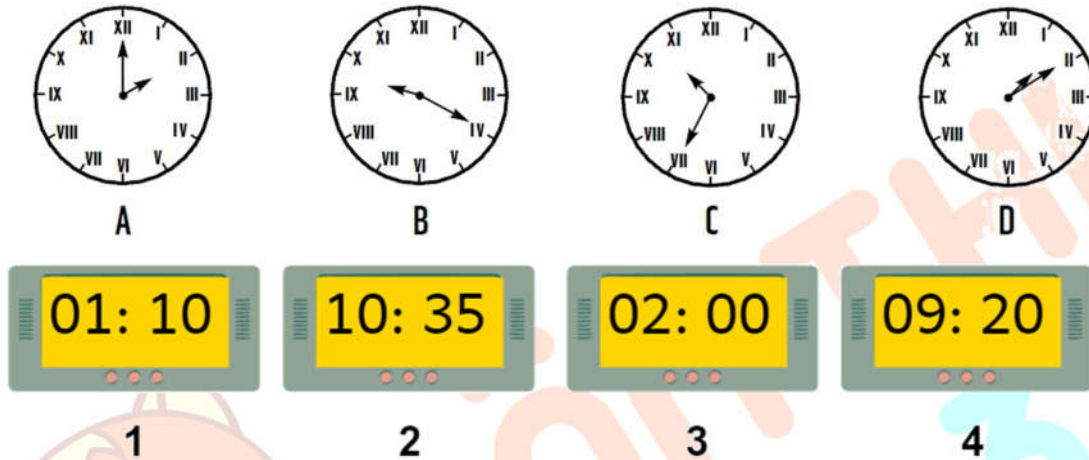
Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Nối các đồng hồ chỉ cùng thời gian:



Câu 2. $28\text{mm} + \dots\dots\dots\text{mm} = 5\text{cm}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 12. B. 32. C. 22. D. 20.

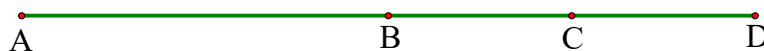
Câu 3. Hình nào dưới đây đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số quả dâu tây:



Câu 4. Giá trị của biểu thức $145 + 45 \times 2$ là:

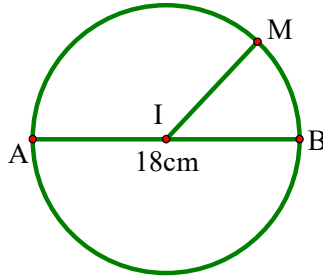
- A. 90. B. 235. C. 325. D. 380.

Câu 5. Cho đoạn thẳng $AD = 8\text{cm}$, có B là trung điểm của đoạn thẳng AD, C là trung điểm của đoạn thẳng BD. Độ dài đoạn thẳng BC là:



- A. 4cm. B. 3cm. C. 2cm. D. 5cm.

Câu 6. Cho hình tròn sau có $AB = 18\text{cm}$. Độ dài đoạn thẳng IM là:



- A. 18cm. B. 6cm. C. 36cm. D. 9cm.

Câu 7. Một nhà máy có hai đội công nhân, đội một có 25 công nhân, đội hai nếu có thêm 4 người nữa thì sẽ có số lượng công nhân gấp đôi đội một. Hỏi đội hai có bao nhiêu công nhân?

- A. 50 công nhân. B. 54 công nhân. C. 46 công nhân. D. 64 công nhân.

Câu 8. Một thùng đựng 84 lít mật ong, người ta lấy ra $\frac{1}{3}$ số lít mật ong. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít mật ong?

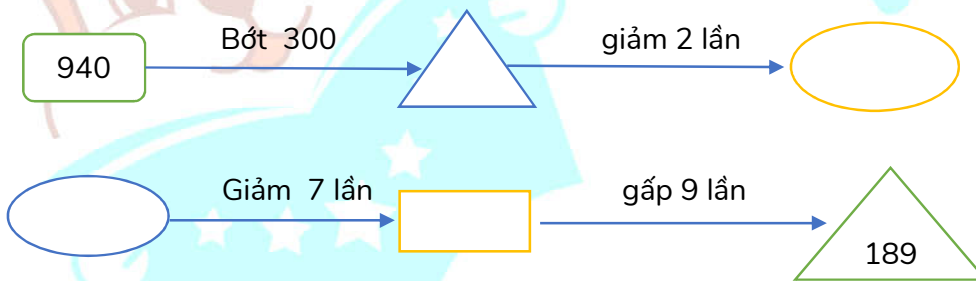
- A. 28 lít. B. 56 lít. C. 140 lít. D. 65 lít.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 35kg gấp 7kg số lần là: lần. b) 693g gấp 3g số lần là: lần.
 c) 81ml gấp 9ml số lần là: lần. d) 104mm gấp 4mm số lần là: lần.

Bài 2 (1,5 điểm). Điền số thích hợp vào các hình sau:



Bài 3. Cô giáo có 55 quyển sách. Sau khi thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc, số quyển sách còn lại bằng $\frac{1}{5}$ số sách ban đầu. Hỏi cô đã thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc bao nhiêu quyển sách?

Bài 4. Trong một bàn tiệc có 4 người khách, họ đều bắt tay nhau một lần. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái bắt tay?



Trả lời:

ĐỀ SỐ 8

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

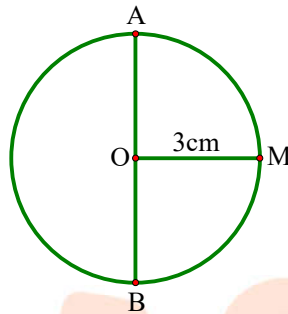
Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

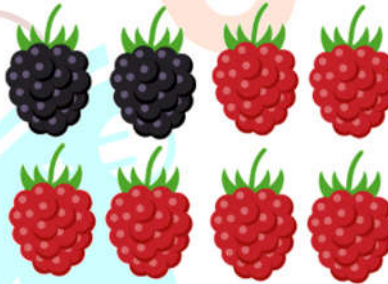
Câu 1. Cho hình tròn tâm O, bán kính OM = 3cm (xem hình vẽ). Độ dài đoạn thẳng AB là:

A. 6cm.

B. 5cm.

C. 4cm.

D. 3cm.

Câu 2. Trong hình dưới đây, số chùm nho đỏ gấp mấy lần số chùm nho đen?

A. 2 lần.

B. 4 lần.

C. 3 lần.

D. 6 lần.

Câu 3. Bây giờ là 6 giờ 15 phút. Hỏi sau 4 giờ nữa, kim giờ chỉ vào đúng số 10 và kim phút chỉ vào đúng số 3, đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 4. Ngày thứ nhất nhà máy sản xuất được 248 đôi giày, số giày ngày thứ hai sản xuất được giảm 4 lần so với ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai sản xuất được ít hơn ngày thứ nhất bao nhiêu đôi giày?

A. 62 đôi giày.

B. 168 đôi giày.

C. 180 đôi giày.

D. 186 đôi giày.

Câu 5. Tìm một số, biết rằng lấy số đó cộng với 45 thì bằng 100 trừ đi 27. Số đó là:

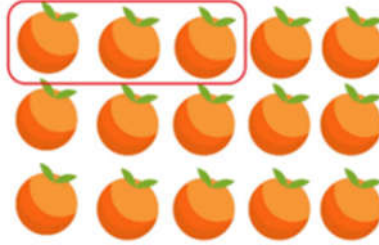
A. 73.

B. 38.

C. 28.

D. 37.

Câu 6. Đã khoanh vào một phần mấy số cam trong hình dưới đây?



- A. $\frac{1}{2}$. B. $\frac{1}{5}$. C. $\frac{1}{3}$. D. $\frac{1}{4}$.

Câu 7. Em có 6 hộp sô-cô-la, mỗi hộp có 7 thanh. Em cho các bạn 12 thanh. Hỏi sau đó em còn lại bao nhiêu thanh sô-cô-la?

- A. 25 thanh. B. 35 thanh. C. 30 thanh. D. 42 thanh.

Câu 8. Nhà Lan nuôi 8 con gà trống, số gà mái nhiều hơn số gà trống là 24 con. Hỏi số gà mái gấp mấy lần số gà trống?

- A. 2 lần B. 3 lần. C. 5 lần. D. 4 lần.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

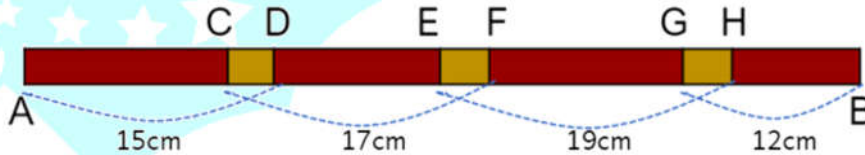
- a) $782 + 169$ b) $946 - 88$ c) 79×6 d) $196 : 4$

Bài 2.

- a) Viết các số V, VII, IV, IX theo thứ tự từ bé đến lớn.
b) Viết các số II, X, IX, V theo thứ tự từ lớn đến bé.

Bài 3. Một quầy bán hàng có 27kg cam và đã bán $\frac{1}{3}$ số cam đó. Hỏi quầy hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cam?

Bài 4. Ghép bốn thanh gỗ dài 15cm, 17cm, 19cm và 12cm thành một thanh gỗ dài 54cm (như hình vẽ). Biết các đoạn nối CD, EF và GH dài bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn nối.



Trả lời:

ĐỀ SỐ 9

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

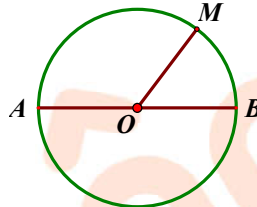
Câu 1. Một phép trừ có số trừ là 355 và hiệu là 55. Số bị trừ là:

- A. 300. B. 410. C. 310. D. 420.

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

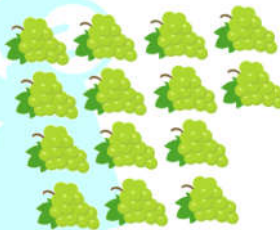
$$12\text{mm} + \dots\dots\dots\text{mm} = 2\text{cm}.$$

Câu 3. Tất cả các bán kính có trong hình tròn dưới đây là:



- A. OA, OB, OM. B. AB. C. OM. D. OA, OB.

Câu 4. $\frac{1}{2}$ số chùm nho dưới đây thêm 2 chùm nho nữa thì được mấy chùm nho?

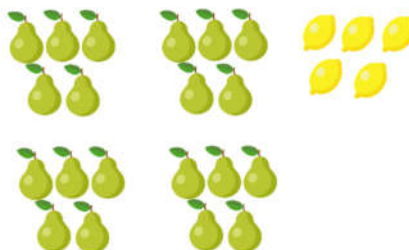


- A. 14 chùm. B. 6 chùm. C. 9 chùm. D. 5 chùm.

Câu 5. Giá trị của biểu thức $132 \times 2 - 78$ là:

- A. 342. B. 168. C. 264. D. 186.

Câu 6. Hình dưới đây có số quả lê gấp mấy lần số quả chanh?



- A. 3 lần. B. 5 lần. C. 2 lần. D. 4 lần.

Câu 7. Thùng thứ nhất đựng 78 lít sữa. Thùng thứ hai đựng ít hơn thùng thứ nhất 9 lít sữa nhưng nhiều hơn thùng thứ ba 7 lít. Hỏi cả ba thùng đựng bao nhiêu lít sữa?

- A. 109 lít. B. 209 lít. C. 218 lít. D. 216 lít.

Câu 8. Một cửa hàng buổi sáng bán được 70 chiếc xe, số chiếc xe bán được trong buổi chiều nhiều gấp 3 lần so với buổi sáng. Hỏi cả ngày hôm đó cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe?

- A. 280 chiếc. B. 210 chiếc. C. 208 chiếc. D. 201 chiếc.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a)



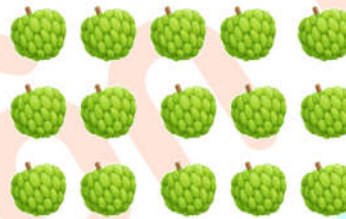
b)



Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a) $\frac{1}{3}$ số quả na là quả.

b) $\frac{1}{5}$ số quả na là quả.



Bài 3 (2 điểm). Một xe vận chuyển hàng trong siêu thị mỗi chuyến chở được 5 thùng hàng. Hỏi:

- a) Chiếc xe đó cần vận chuyển bao nhiêu chuyến để chở hết 105 thùng hàng?
 b) Nếu mỗi thùng hàng cân nặng 100kg thì mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?



Bài 4. Có 9 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 9. Bạn Sóc lấy ra 6 chiếc thẻ và thấy rằng tổng các số ghi trên 6 chiếc thẻ này bằng 22. Hỏi tích của 2 số lớn nhất ghi trên các thẻ bạn Sóc đã lấy bằng bao nhiêu?

Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	D	A	97	B	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

$356g + 400g = \dots\dots\dots g.$

$63ml : 7 + 991ml = \dots\dots\dots l.$

$13mm \times 2 = \dots\dots\dots mm.$

$600g : 2 = \dots\dots\dots g.$

$348ml + 488ml : 4 = \dots\dots\dots ml.$

$37mm + 13mm = \dots\dots\dots cm.$

Lời giải

$356g + 400g = 756g.$

$63ml : 7 + 991ml = 1l.$

$13mm \times 2 = 26mm.$

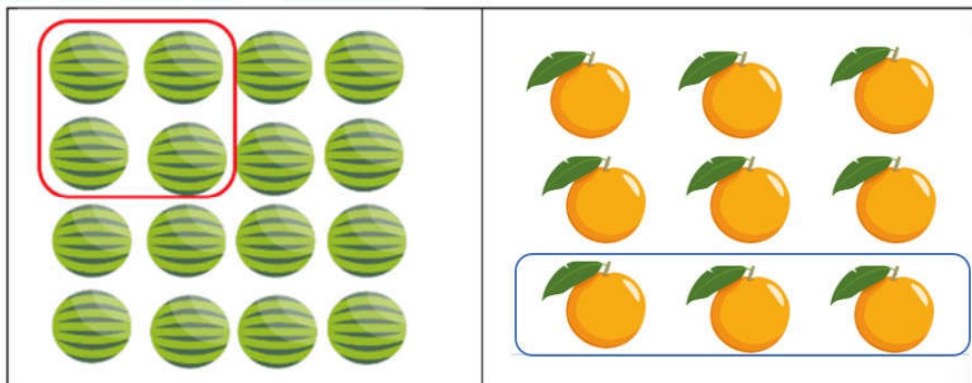
$600g : 2 = 300g.$

$348ml + 488ml : 4 = 470ml.$

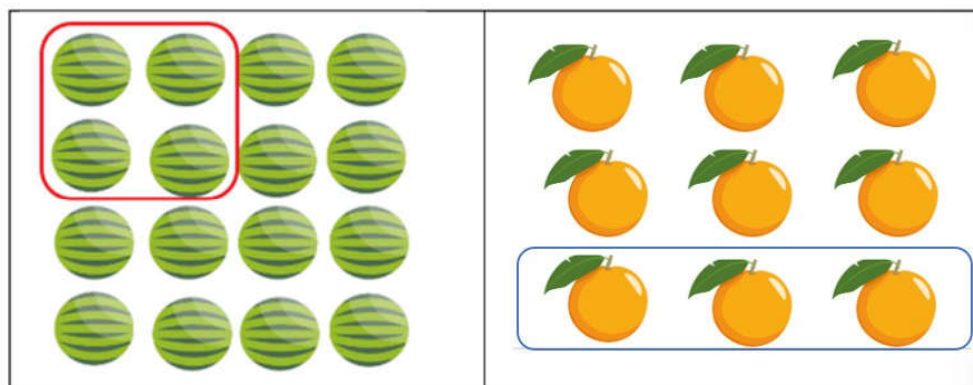
$37mm + 13mm = 5cm.$

Bài 2 (1 điểm).

Đã khoanh vào một phần mấy số lượng quả trong mỗi hình dưới đây?



Lời giải



$$\frac{1}{4}$$

$$\frac{1}{3}$$

Bài 3 (2 điểm). Một cửa hàng có 66 bao gạo. Sau khi bán, số bao gạo còn lại giảm đi 6 lần. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu bao gạo?

Lời giải

Số bao gạo còn lại ở cửa hàng là: $66 : 6 = 11$ (bao).

Cửa hàng đã bán số bao gạo là: $66 - 11 = 55$ (bao).

Đáp số: 55 bao gạo.

Bài 4 (1 điểm). Tính tổng: $A = 20 - 19 + 18 - 17 + \dots + 4 - 3 + 2 - 1$.

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: **A = 10.**

(Ta có: $A = 20 - 19 + 18 - 17 + \dots + 4 - 3 + 2 - 1$.

$$A = (20 - 19) + (18 - 17) + \dots + (4 - 3) + (2 - 1).$$

Từ 1 đến 20 có 20 số, do đó có: $20 : 2 = 10$ (nhóm).

Vậy $A = 1 + 1 + 1 + \dots + 1$ (10 số hạng).

$$A = 10.)$$

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	17	C	A	C	A	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $234 + 128$

b) $563 - 99$

c) 211×6

d) $938 : 3$

Lời giải

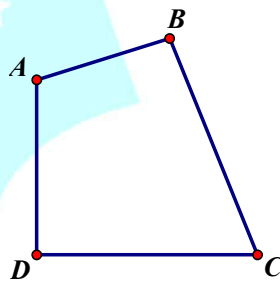
$$\begin{array}{r} 234 \\ + 128 \\ \hline 362 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 563 \\ - 99 \\ \hline 464 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 211 \\ \times 6 \\ \hline 1266 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 938 \quad | \quad 3 \\ \underline{9} \quad \quad | \quad 312 \\ 03 \\ \underline{3} \\ 08 \\ \underline{6} \\ 2 \end{array}$$

Bài 2 (1,5 điểm). Liệt kê tất cả các góc vuông và góc không vuông có trong hình sau?



Lời giải

Trong hình tứ giác ABCD có:

- 1 góc vuông là: Góc đỉnh D; cạnh DA, DC.

- 3 góc không vuông là:

+ Góc đỉnh A; cạnh AB, AD.

+ Góc đỉnh B; cạnh BA, BC.

+ Góc đỉnh C; cạnh CB, CD.

Bài 3 (2 điểm). Có hai bao gạo nặng tổng cộng 54kg, biết bao thứ nhất nặng 9kg. Hỏi bao thứ hai nặng gấp mấy lần bao thứ nhất?

Lời giải

Bao thứ hai cân nặng số ki-lô-gam là: $54 - 9 = 45$ (kg).

Bao thứ hai nặng gấp số lần bao thứ nhất là: $45 : 9 = 5$ (lần).

Đáp số: 5 lần.

Bài 4 (0,5 điểm). Tính tổng 36 số hạng đầu tiên của dãy số: 1; 2; 3; 4; 1; 2; 3; 4; 1; 2; 3; 4;

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tổng 36 số hạng đầu tiên của dãy trên là: **90**.

(36 số hạng của dãy gồm 9 nhóm (1; 2; 3; 4).

Tổng các số của nhóm (1; 2; 3; 4) là: $1 + 2 + 3 + 4 = 10$.

Do đó tổng 36 số hạng đầu tiên của dãy đã cho là: $10 \times 9 = 90$.)



ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	D	C	C	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $123 \times (42 - 40) + 25$.

b) $219 + 510 : 5$.

c) $231 \times 3 - 148$.

Lời giải

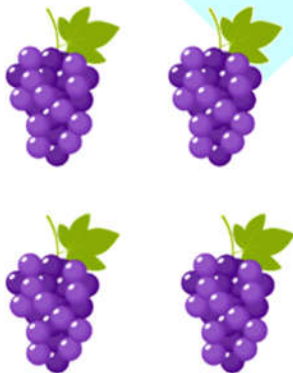
a) $123 \times (42 - 40) + 25 = 123 \times 2 + 25 = 246 + 25 = 271$.

b) $219 + 510 : 5 = 219 + 102 = 321$.

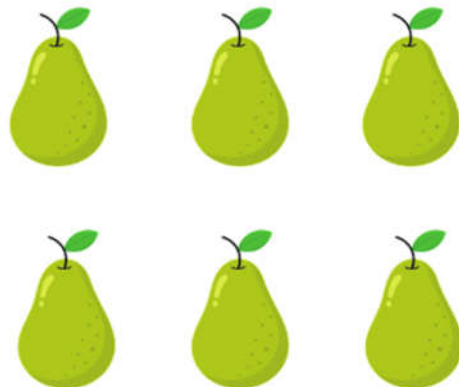
c) $231 \times 3 - 148 = 693 - 148 = 545$.

Bài 2 (1,5 điểm).

a) Khoanh vào $\frac{1}{2}$ số chùm nho

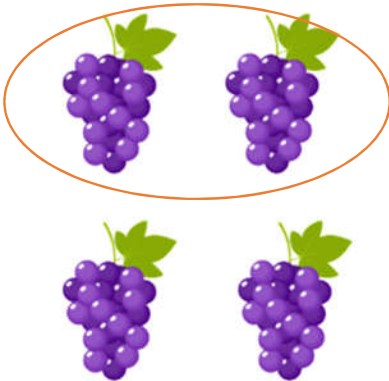


b) Khoanh vào $\frac{1}{6}$ số quả lê

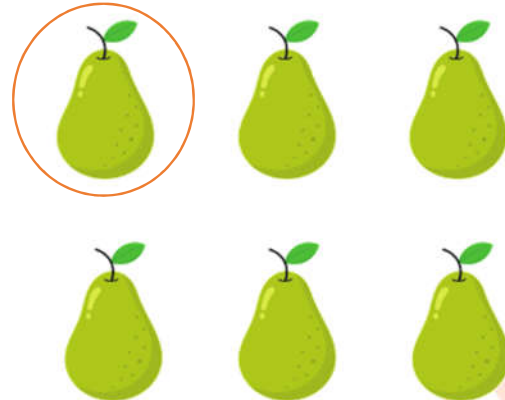


Lời giải

a)



b)



Bài 3 (2 điểm). Người ta chia khu vườn ươm cây thành 2 lô đất, mỗi lô đất có 4 hàng, mỗi hàng trồng được 101 cây con. Hỏi khu vườn đó trồng được bao nhiêu cây con?

Lời giải

Mỗi lô đất trồng được số cây con là: $101 \times 4 = 404$ (cây).

Khu vườn đó trồng được số cây con là: $404 \times 2 = 808$ (cây).

Đáp số: 808 cây con.

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm số có ba chữ số, biết chữ số hàng trăm và hàng đơn vị gấp kém nhau 4 lần và chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số đó là: **194**.

(Vì chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8 nên chữ số hàng trăm là 0 hoặc 1, mà chữ số hàng trăm khác 0 nên chữ số hàng trăm là 1.

Do đó chữ số hàng chục là: $1 + 8 = 9$.

Chữ số hàng đơn vị là: $1 \times 4 = 4$.

Vậy số đó là: **194**.)

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

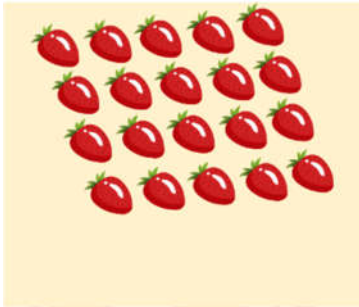
Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	312	C	D	C	A	B	A	D

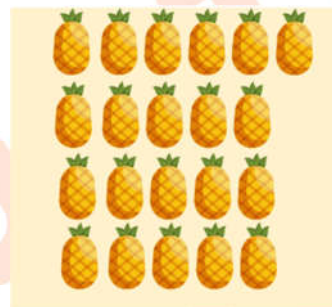
II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm).

a) Khoanh vào $\frac{1}{5}$ số quả cà chua

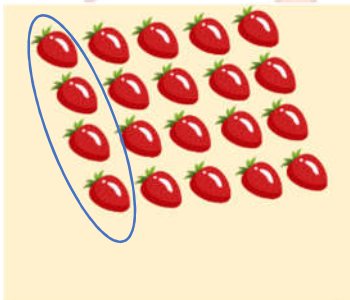


b) Khoanh vào $\frac{1}{7}$ số quả dứa

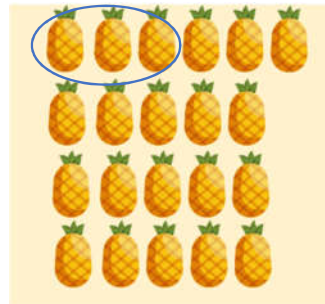


Lời giải

a)



b)



Bài 2 (2 điểm). Điền dấu “> , < , =” thích hợp vào chỗ trống:

a) $30ml + 2ml$ $1l$.

b) $7cm$ $70mm$.

c) $1m$ $260mm + 640mm$.

d) $250g + 750g$ $1kg$.

Lời giải

a) Ta có:

$$30ml + 2ml = 32ml; 1l = 1000ml.$$

Vì $32ml < 1000ml$ nên $30ml + 2ml < 1l$.

b) Ta có:

$$7\text{cm} = 70\text{mm}.$$

Vì $70\text{mm} = 70\text{mm}$ nên $7\text{cm} = 70\text{mm}$.

c) Ta có:

$$1\text{m} = 1000\text{mm}; 260\text{mm} + 640\text{mm} = 900\text{mm}.$$

Vì $1000\text{mm} > 900\text{mm}$ nên $1\text{m} > 260\text{mm} + 640\text{mm}$.

d) Ta có:

$$250\text{g} + 750\text{g} = 1000\text{g}; 1\text{kg} = 1000\text{g}.$$

Vì $1000\text{g} = 1000\text{g}$ nên $250\text{g} + 750\text{g} = 1\text{kg}$.

Bài 3 (2 điểm). Một cửa hàng có 183kg gạo, người ta bán đi 78kg. Số gạo còn lại đóng đều vào 7 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

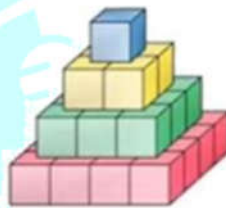
Lời giải

Số gạo còn lại là: $183 - 78 = 105$ (kg).

Mỗi túi có số ki-lô-gam gạo là: $105 : 7 = 15$ (kg).

Đáp số: 15kg gạo.

Bài 4 (0,5 điểm). Hình dưới đây được ghép từ bao nhiêu khối lập phương?



Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Hình trên được ghép từ **30 khối** lập phương.

(Quan sát hình từ trên xuống, ta thấy:

Tầng đầu tiên có 1 khối.

Tầng thứ 2 có: $2 \times 2 = 4$ (khối).

Tầng thứ 3 có: $3 \times 3 = 9$ (khối).

Tầng thứ 4 có: $4 \times 4 = 16$ (khối).

Vậy hình trên được ghép từ số khối lập phương là: $1 + 4 + 9 + 16 = 30$ (khối).)

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	D	A	B	A	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $79 + 34 - 19$.

b) $221 \times (43 - 39)$.

c) $(201 - 1) \times 5$.

d) $(48 + 13) \times 4 - 279 : 9$.

Lời giải

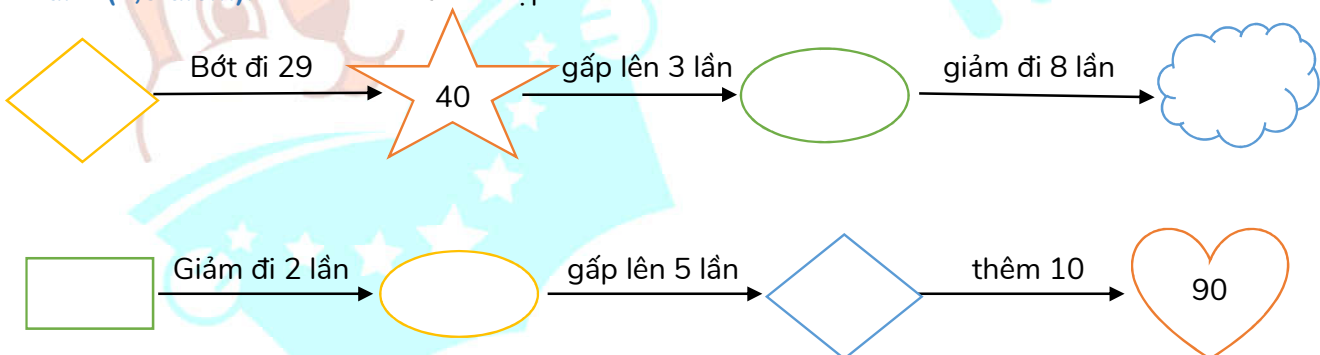
a) $79 + 34 - 19 = 113 - 19 = 94$.

b) $221 \times (43 - 39) = 221 \times 4 = 884$.

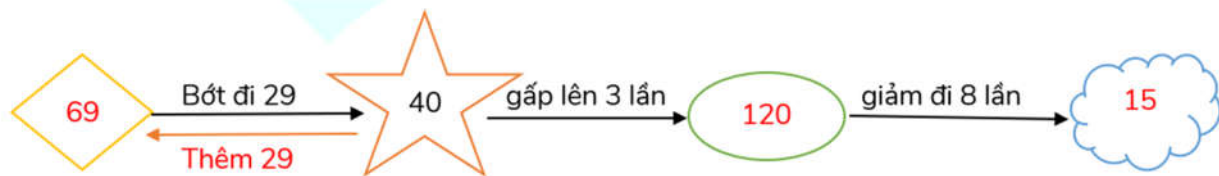
c) $(201 - 1) \times 5 = 200 \times 5 = 1000$.

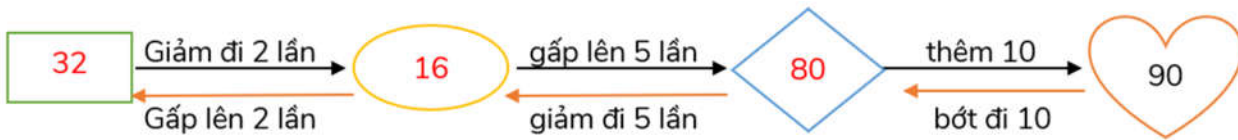
d) $(48 + 13) \times 4 - 279 : 9 = 61 \times 4 - 31 = 244 - 31 = 213$.

Bài 2 (1,5 điểm). Điền các số thích hợp vào các hình sau:



Lời giải





Bài 3 (2 điểm). Nhà Hoa có 5 chuồng gà, mỗi chuồng có 9 con gà. Hôm nay nhà Hoa bán đi $\frac{1}{9}$ số gà. Hỏi nhà Hoa đã bán đi bao nhiêu con gà?

Lời giải

Lúc đầu nhà Hoa có số con gà là: $9 \times 5 = 45$ (con).

Nhà Hoa đã bán đi số con gà là: $45 : 9 = 5$ (con).

Đáp số: 5 con gà.

Bài 4 (0,5 điểm). Trong túi có 10 viên bi đỏ, 9 viên bi xanh, 11 viên bi vàng và 4 viên bi trắng. Không nhìn vào túi, phải lấy ra ít nhất bao nhiêu viên bi để chắc chắn có ít nhất 6 viên bi cùng màu?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Phải lấy ra ít nhất **20** viên bi.

(Giả sử 5 viên bi lấy ra đầu tiên là màu đỏ, 5 viên bi tiếp theo là màu xanh, 5 viên bi tiếp là màu vàng, 4 viên bi tiếp là màu trắng thì số bi lấy ra là: $5 + 5 + 5 + 4 = 19$ (viên bi).

Trong túi không còn bi trắng, vậy lấy thêm một bi nữa ta có 6 viên bi hoặc cùng màu đỏ, hoặc cùng màu xanh hoặc cùng màu vàng.

Vậy số viên bi phải lấy ra ít nhất là: $19 + 1 = 20$ (viên.)

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	D	AC; BD	7	A	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a) $42\text{ml} : 2 + 348\text{ml} = \dots\dots\dots \text{ml}.$

b) $1\text{m} - 63\text{mm} : 7 = \dots\dots\dots \text{mm}.$

c) $78\text{g} - 125\text{g} : 5 = \dots\dots\dots \text{g}.$

d) $52\text{cm} + 48\text{cm} = \dots\dots\dots \text{m}.$

Lời giải

a) $42\text{ml} : 2 + 348\text{ml} = 21\text{ml} + 348\text{ml} = 369\text{ml}.$

b) $1\text{m} - 63\text{mm} : 7 = 1000\text{mm} - 9\text{mm} = 991\text{mm}.$

c) $78\text{g} - 125\text{g} : 5 = 78\text{g} - 25\text{g} = 53\text{g}.$

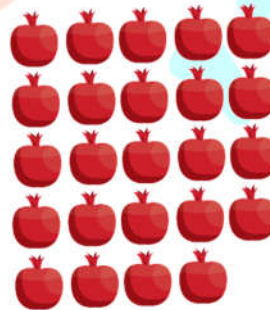
d) $52\text{cm} + 48\text{cm} = 100\text{cm} = 1\text{m}.$

Bài 2 (1,5 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

$\frac{1}{3}$ số quả lựu là quả.

$\frac{1}{8}$ số quả lựu là quả.

$\frac{1}{6}$ số quả lựu là quả.



Lời giải

Có 24 quả lựu.

+) Chia 24 quả lựu thành 3 phần bằng nhau. Mỗi phần có 8 quả lựu.

Vậy $\frac{1}{3}$ số quả lựu là 8 quả.

Tương tự ta có:

$\frac{1}{8}$ số quả lựu là 3 quả.

$\frac{1}{6}$ số quả lựu là 4 quả.

Bài 3 (2 điểm). Một tổ công nhân buổi sáng sửa được 96m đường, buổi chiều do trời nắng nên sửa được số mét đường giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi cả ngày tổ công nhân đó sửa được bao nhiêu mét đường?

Lời giải

Buổi chiều tổ công nhân sửa được số mét đường là: $96 : 3 = 32$ (m).

Cả ngày tổ công nhân đó sửa được số mét đường là: $96 + 32 = 128$ (m).

Đáp số: 128m đường.

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm số lớn nhất có ba chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20.

Trả lời:

Lời giải

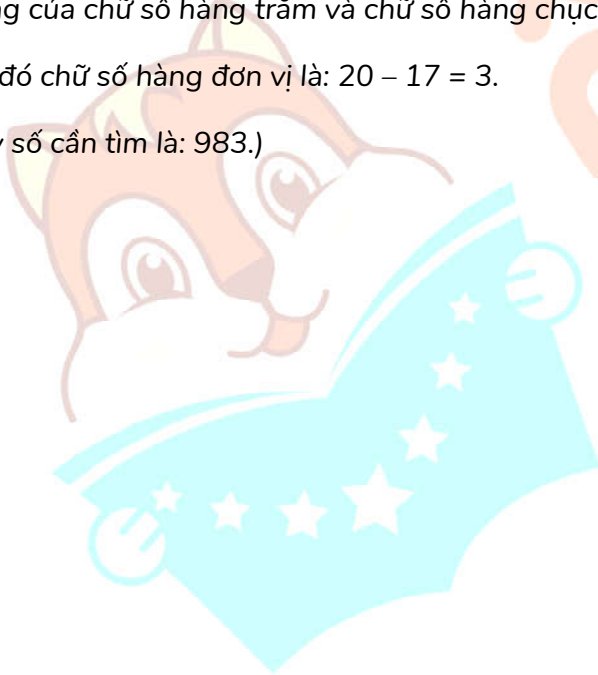
Trả lời: Số đó là: **983**.

(Do số cần tìm là số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20 nên chữ số hàng trăm là 9; chữ số hàng chục là 8.

Tổng của chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục là: $9 + 8 = 17$.

Do đó chữ số hàng đơn vị là: $20 - 17 = 3$.

Vậy số cần tìm là: 983.)



ĐỀ SỐ 7

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	1-D; 2-C; 3-A; 4-B	C	A	B	C	D	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 35kg gấp 7kg số lần là: lần.

b) 693g gấp 3g số lần là: lần.

c) 81ml gấp 9ml số lần là: lần.

d) 104mm gấp 4mm số lần là: lần.

Lời giải

a) 35kg gấp 7kg số lần là: **5** lần.

b) 693g gấp 3g số lần là: **231** lần.

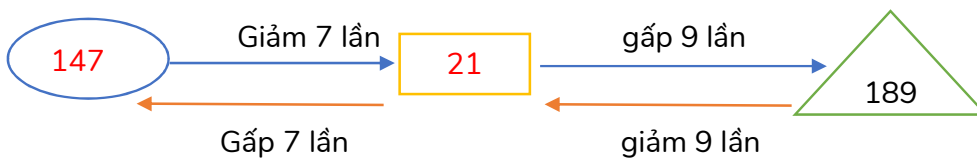
c) 81ml gấp 9ml số lần là: **9** lần.

d) 104mm gấp 4mm số lần là: **26** lần.

Bài 2 (1,5 điểm). Điền số thích hợp vào các hình sau:



Lời giải



Bài 3 (2 điểm). Cô giáo có 55 quyển sách. Sau khi thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc, số quyển sách còn lại bằng $\frac{1}{5}$ số sách ban đầu. Hỏi cô đã thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc bao nhiêu quyển sách?

Lời giải

Sau khi thưởng, cô giáo còn lại số quyển sách là: $55 : 5 = 11$ (quyển).

Cô giáo đã thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc số quyển sách là: $55 - 11 = 44$ (quyển).

Đáp số: 44 quyển sách.

Bài 4 (0,5 điểm). Trong một bàn tiệc có 4 người khách, họ đều bắt tay nhau một lần. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái bắt tay?



Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Có tất cả **6** cái bắt tay.

(Người 1 bắt tay với 3 người còn lại → có 3 cái bắt tay.

Người 2 bắt tay với 2 người còn lại (trừ người 1 và chính mình) → có 2 cái bắt tay.

Người 3 bắt tay với 1 người còn lại (trừ người 1, người 2 và chính mình) → có 1 cái bắt tay.

Tổng cộng có số cái bắt tay là: $3 + 2 + 1 = 6$ (cái.)

ĐỀ SỐ 8

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	D	C	B	C	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $782 + 169$

b) $946 - 88$

c) 79×6

d) $196 : 4$

Lời giải

a) $782 + 169 = 951$.

b) $946 - 88 = 858$.

c) $79 \times 6 = 474$.

d) $196 : 4 = 49$.

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2 (1,5 điểm).

a) Viết các số V, VII, IV, IX theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Viết các số II, X, IX, V theo thứ tự từ lớn đến bé.

Lời giải

a) Các số đã cho được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: IV, V, VII, IX.

b) Các số đã cho được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là: X, IX, V, II.

Bài 3 (2 điểm). Một quầy bán hàng có 27kg cam và đã bán $\frac{1}{3}$ số cam đó. Hỏi quầy hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cam?

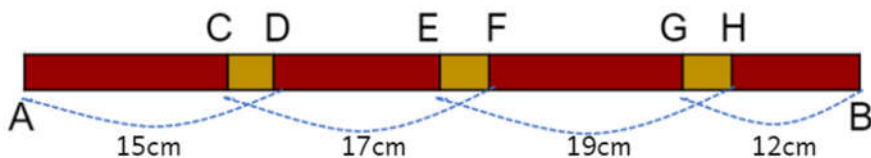
Lời giải

Quầy hàng đã bán số ki-lô-gam cam là: $27 : 3 = 9$ (kg).

Quầy hàng còn lại số ki-lô-gam cam là: $27 - 9 = 18$ (kg).

Đáp số: 18kg cam.

Bài 4 (0,5 điểm). Ghép bốn thanh gỗ dài 15cm, 17cm, 19cm và 12cm thành một thanh gỗ dài 54cm (như hình vẽ). Biết các đoạn nối CD, EF và GH dài bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn nối.



Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Độ dài mỗi đoạn nối là: **3cm**.

(Tổng độ dài các thanh gỗ AD, DE, EF, FB là: $15 + 17 + 19 + 12 = 63$ (cm).

Các đoạn nối CD, EF và GH được tính 2 lần nên tổng độ dài 3 đoạn nối này là:

$$63 - 54 = 9 \text{ (cm).}$$

Mặt khác, độ dài các đoạn nối này bằng nhau nên độ dài mỗi đoạn nối là:

$$9 : 3 = 3 \text{ (cm).}$$



ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	8	A	C	D	D	B	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a)



b)

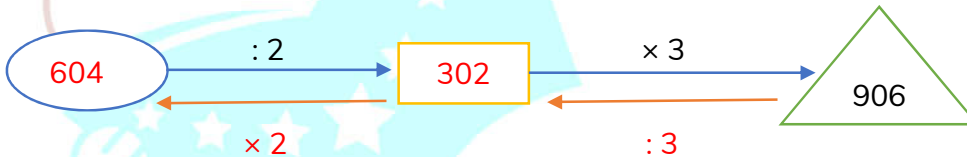


Lời giải

a)



b)



Bài 2 (1,5 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a) $\frac{1}{3}$ số quả na là quả.



b) $\frac{1}{5}$ số quả na là quả.



Lời giải

a) Có 15 quả na.

Chia 15 quả na thành 3 phần bằng nhau. Mỗi phần có 5 quả. Vậy $\frac{1}{3}$ số quả na là 5 quả.

b) Tương tự ta có:

$\frac{1}{5}$ số quả na là 3 quả.

Bài 3 (2 điểm). Một xe vận chuyển hàng trong siêu thị mỗi chuyến chở được 5 thùng hàng. Hỏi:

a) Chiếc xe đó cần vận chuyển bao nhiêu chuyến để chở hết 105 thùng hàng?

b) Nếu mỗi thùng hàng cân nặng 100kg thì mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?



Lời giải

a) Chiếc xe đó cần vận chuyển số chuyến là: $105 : 5 = 21$ (chuyến).

b) Mỗi chuyến xe đó vận chuyển được số ki-lô-gam hàng là: $100 \times 5 = 500$ (kg).

Đáp số: a) 21 chuyến; b) 500kg.

Bài 4 (0,5 điểm). Có 9 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 9. Bạn Sóc lấy ra 6 chiếc thẻ và thấy rằng tổng các số ghi trên 6 chiếc thẻ này bằng 22. Hỏi tích của 2 số lớn nhất ghi trên các thẻ bạn Sóc đã lấy bằng bao nhiêu?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tích của 2 số lớn nhất ghi trên các thẻ bạn Sóc đã lấy bằng **35**.

(Ta thấy tổng của 6 số nhỏ nhất là: $1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 = 21$.

Để tổng của các số ghi trên 6 tấm thẻ này bằng 22 thì chỉ có duy nhất một trường hợp xảy ra đó là:

$$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 7 = 22.$$

Hay 6 tấm thẻ mà bạn Sóc lấy ra được đánh số lần lượt là: 1; 2; 3; 4; 5; 7.

Hai số lớn nhất được ghi trên các tấm thẻ đó là: 5 và 7.

Tích của hai số lớn nhất được ghi trên các thẻ bạn Sóc đã lấy ra là: $5 \times 7 = 35$.)